

# HƯỚNG DẪN GIẢI CHI TIẾT UNIT 4 LỚP 12: PHẦN LANGUAGE FOCUS

## UNIT 4: LANGUAGE FOCUS

Pronunciation: Stress in three-syllable words (Trọng âm với từ có 3 âm tiết)

Grammar: Passive voice (câu bị động)

### I. PRONUNCIATION (Ngữ âm)

Listen and repeat

(Nghe và nhắc lại)

Click tại đây để nghe:

algebra /'ældʒɪbrə/ : đại số học

chemistry /'kemɪstri/ : hóa học

computing /kəm'pjʊ:tɪŋ/ : tin học

carefully /'keəfəli/ : cẩn thận

academic /,ækə'demɪk/: học thuật

cinema /'sɪnəmə/: rạp chiếu phim

politics /'pɒlətɪks/: chính trị

primary /'praɪməri/: tiểu học

compulsory /kəm'pʌlsəri/: bắt buộc

physical /'fɪzɪkl/: thể chất

statistics /stə'tɪstɪk/: con số

September /sep'tembə(r)/: tháng 9

*Practise reading these sentences*

(Luyện tập đọc các câu sau)

The academic school year generally commences in September. (Năm học học thường bắt đầu vào tháng Chín.)

The typical school day normally finishes at 3.00 p.m. in England. (Một ngày ở trường thường kết thúc lúc 3 giờ chiều, ở Anh.)

The national curriculum is usually set by the government. (Chương trình giảng dạy quốc gia thường do chính phủ quy định.)

The GCSE stands for the General Certificate of Secondary Education. (GCSE là viết tắt của Chứng chỉ chung về Giáo dục Trung học.)

English, Maths and Science are compulsory in the national examination at certain stages of the school education system. (Tiếng Anh, Toán và Khoa học bắt buộc trong kỳ thi quốc gia ở các giai đoạn nhất định của hệ thống giáo dục của nhà trường.)

## II. GRAMMAR

*Exercise 1: Fill in each blank with the simple present passive form of the verb in brackets.*

(Điền mỗi chỗ trống với dạng hiện tại bị động của động từ trong ngoặc.)

1. The academic year in England ..... into three terms. (divide)

=> The academic year in England is divided into three terms.

Tạm dịch: Năm học ở Anh được chia làm 3 học kỳ.

2. Each term ..... by a one-week break. (separate)

=> Each term is separated by a one-week break.

Giải thích: 1 sự thật hiển nhiên nên sử dụng thì hiện tại đơn và chủ ngữ "Each term" số ít nên động từ be => is

Tạm dịch: Năm học ở Anh được chia làm 3 học kỳ.

3. The national curriculum..... by the government and..... in all state schools. (set, must follow)

=> The national curriculum is set by the government and must be followed in all state schools.

Giải thích: sự thật hiện nhiên => thì hiện tại đơn.

Câu bị động với động từ khuyết thiếu: must + be + Vp2

Tạm dịch: Chương trình học quốc gia được chính phủ thiết lập và phải được thực hiện ở tất cả các trường công lập.

4. The national curriculum ..... of more than ten subjects. (make up)

=> The national curriculum is made up of more than ten subjects.

Giải thích: 1 sự thật ở hiện tại => sử dụng hiện tại đơn. Chủ ngữ “the national curriculum” số ít => to be số ít

Tạm dịch: Chương trình học quốc gia bao gồm hơn 10 môn học.

5. The state school system..... for by the state. (pay)

=> The state school system is paid for by the state.

Giải thích: sự thật ở hiện tại => hiện tại đơn

Tạm dịch: Hệ thống giáo dục công lập do nhà nước trả phí.

6. The advanced students..... to take part in the annual International Olympic Competition. (select)

The advanced students are selected to take part in the annual International Olympic Competition.

Giải thích: sự thật ở hiện tại => hiện tại đơn. Chủ ngữ “the advanced students” số nhiều => động từ to be => are.

Tạm dịch: Học sinh giỏi được chọn để tham gia cuộc thi Olympic quốc tế hàng năm.

*Exercise 2: Rewrite the following sentences, using the passive voice.*

*(Viết lại những câu sau, dùng thể bị động)*

1. They built this school in 1997.

=> This school was built in 1997.

Giải thích: câu bị động ở thì quá khứ: S+was/were +VpII

Tạm dịch: Trường này được xây dựng năm 1997.

2. They first published this dictionary in 1870.

=> This dictionary was first published in 1870.

Giải thích: Câu bị động ở thì quá khứ

Tạm dịch: Từ điển này được xuất bản lần đầu tiên vào năm 1870.

3. The students in my class are going to organize a surprise party tomorrow evening.

=> A surprise party is going to be organized by the students in my class tomorrow evening.

Giải thích: cấu trúc bị động với be going to: S + be going to + be + VpII

Tạm dịch: Một bữa tiệc bất ngờ sẽ được tổ chức bởi các sinh viên trong lớp vào buổi tối ngày mai.

4. They are painting the kitchen now.

=> The kitchen is being painted now.

Giải thích: câu bị động ở thì hiện tại tiếp diễn => S + be(am, is are) + being + VpII

Tạm dịch: Nhà bếp hiện đang được sơn.

5. Shakespeare wrote "Romeo and Juliet" in 1605.

=> "Romeo and Juliet" was written by Shakespeare in 1605.

Giải thích: câu bị động ở thì quá khứ đơn: s + be + VpII

Tạm dịch: "Romeo và Juliet" được Shakespeare viết năm 1605.

6. They have translated Shakespeare's tragedies into many languages.

=> Shakespeare's tragedies have been translated into many languages.

Giải thích: câu bị động ở thì hiện tại hoàn thành: S + has/have been + VpII

Tạm dịch: Những vở bi kịch của Shakespeare đã được dịch ra nhiều thứ tiếng.

7. They have just built a new primary school in my village.

=> A new primary school has just been built in my village.

Giải thích: câu bị động ở thì hiện tại hoàn thành: S + has/have + been + VpII

Tạm dịch: Một ngôi trường tiểu học mới đã được xây dựng trong làng của tôi.

8. They will speak English at the conference.

=> English will be spoken at the conference.

Giải thích: câu bị động ở thì tương lai đơn: S + will + be + VpII

Tạm dịch: Tiếng Anh sẽ được phát biểu tại hội nghị.

9. Jane hasn't cleaned the floor yet.

=> The floor hasn't been cleaned yet.

Giải thích: Câu bị động ở thì hiện tại hoàn thành

Tạm dịch: Sàn nhà chưa được làm sạch.

10. They will repaint the house soon.

=> The house will be repainted soon.

Giải thích: câu bị động ở thì tương lai đơn

Tạm dịch: Nhà sẽ sớm được sơn lại.

*Exercise 3: Fill in the spaces of the following passage with the correct tense in passive voice of the verbs in brackets.*

*(Điền vào chỗ trống của đoạn văn sau với thì đúng ở thể bị động từ động từ trong ngoặc.)*

The world's first electronic computer was built (1. build) by the University of Pennsylvania in 1946. However, computers were ( 2. sell) commercially for the first time in the 1950s. Much progress on computers has been made (3. make) since 1950. Computers are now much smaller and more powerful and they can be bought (4. Can buy) much more cheaply.

Computers are used (5. use) in many fields - in business, science, medicine, and education, for example. They can be used (6. can use) to forecast the weather or to control robots which make cars. The computer's memory is the place where information

is stored (7.store) and calculations are done (8. do). A Computer cannot think for itself – it must be told 9. must tell) exactly what to do. A lot of difficult calculations can be done (10. can do) very quickly on computers.

Giải thích:

- (1) dấu hiệu “in 1946” => quá khứ đơn
- (2) dấu hiệu “in the 1950s” => quá khứ đơn
- (3) dấu hiệu “since” => hiện tại hoàn thành
- (4) câu bị động với động từ khuyết thiếu “can”
- (5) sự thật ở hiện tại => hiện tại đơn
- (6) câu bị động với động từ khuyết thiếu “can”
- (7) sự thật ở hiện tại => hiện tại đơn
- (8) sự thật ở hiện tại => hiện tại đơn
- (9) câu bị động với động từ khuyết thiếu “must”
- (10) câu bị động với động từ khuyết thiếu “can”

Tạm dịch:

Máy tính điện tử đầu tiên của thế giới xây dựng bởi Đại học Pennsylvania vào năm 1946. Tuy nhiên, máy tính được bán công khai lần đầu tiên trong những năm 1950. Nhiều tiến bộ về máy vi tính được làm từ năm 1950. Máy vi tính bây giờ nhỏ gọn hơn và mạnh hơn và chúng có thể được mua rẻ hơn nhiều.

Máy vi tính sử dụng trong nhiều lĩnh vực - chẳng hạn như, trong kinh doanh, khoa học, y khoa, và giáo dục. Chúng có thể được sử dụng để dự báo thời tiết hoặc kiểm soát các robot làm ô tô. Bộ nhớ của máy tính là nơi mà lưu trữ thông tin và tính toán. Một máy tính không thể biết suy nghĩ - nó phải được nói chính xác những gì để làm. Rất nhiều tính toán khó khăn có thể được làm rất nhanh chóng trên máy tính.

**Ngoài ra các em học sinh và thầy cô có thể tham khảo thêm hệ thống lời giải chi tiết vở soạn, bài tập các dạng môn Tiếng Anh lớp 12 tại trang chuyên dụng của chúng tôi. Chúc các em ôn luyện hiệu quả!**